

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2021

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG – TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Ông Luân Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: *Ly hôn*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Văn H - sinh năm 1969;

Hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
Chỗ ở khi *ly hôn*: Khu H, thị trấn B, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Thị Hà – Văn phòng luật sư Đinh Thị Hà – Đoàn Luật sư Cao Bằng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Phan Thị T - sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2020, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Đinh Văn H trình bày: Anh H và chị T kết hôn với nhau vào năm 1989, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Khi tổ chức lễ cưới chưa đăng ký kết hôn; Đến

ngày 20/01/2001 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên T, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến cuối tháng 3 năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình, ghen tuông vô cớ rồi đến nhà bà Đàm Thị H người cùng tổ dân phố chửi, dẫn đến bà H có đơn đến tổ dân phố, Công an phường. Việc làm của bà T khiến ông H cảm thấy xấu hổ, bà T đã xúc phạm đến danh dự của ông H, không tin tưởng ông H. Mâu thuẫn xảy ra ông H và bà T đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, từ khi sống ly thân mỗi người một nơi không còn tình cảm với nhau. Tại Tòa án ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng, việc kéo dài thêm thời gian cũng không còn tình cảm vì thực tế hiện nay mỗi người sống một nơi nhưng chị T không để cho anh H được yên tâm công tác mà vào tận nơi anh công tác để làm âm ỹ to chuyện khiến anh H cảm thấy mình bị thiếu tôn trọng và bị xúc phạm nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung anh H trình bày: trong quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị T có 02 con chung tên là Đinh Văn H - sinh năm 1991 (giới tính: nam) và Đinh Thị H – sinh năm 1994 (giới tính: nữ). Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: anh H xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung, nợ riêng: anh H xác định nợ chung, nợ riêng không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa chị T vắng mặt nhưng đã được Tòa án cho viết Bản tự khai và tiến hành hòa giải. Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải: Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh H trình bày là đúng, chị T không bổ sung gì thêm. Về quá trình chung sống vợ chồng chị T không nhất trí với ý kiến của anh H mà chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc, không có mâu thuẫn, không có chửi bới đánh đập nhau. Từ năm 2019 anh H tự thay đổi một mực đòi ly hôn. Việc anh H cho rằng bà T nghi ngờ, không tin tưởng ông H là hoàn toàn không đúng, chị T không được chửi bới ghen tuông như anh H đã trình bày. Đúng là giữa chị T và chị H có to tiếng với nhau nhưng không phải vì chị T nghi ngờ, ghen tuông như ông H đã trình bày. Tổ dân phố đã hòa giải, chị H yêu cầu chị T phải bồi thường vì chị T vào sân nhà chị H chửi bới nhưng chị T không nhất trí bồi thường. Sau đó chị H có làm đơn đến Công an phường, tại Công an phường chị T đã bồi thường cho chị H 7.000.000đ vào tháng 8/2019. Chị T không nhất trí ly hôn.

Về con chung chị T xác nhận và trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Văn H - sinh năm 1991 (giới tính: nam) và Đinh Thị H – sinh năm 1994 (giới tính: nữ). Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị T xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung, nợ riêng: chị T xác định nợ chung, nợ riêng không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 12/3/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H và chị T về tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T. Qua việc xác minh được biết: Anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn vào năm 2019, mâu thuẫn đã được tổ dân phố hòa giải nhưng không thành. Từ khi phát sinh mâu thuẫn anh H vào Bảo Lâm sinh sống, là nơi anh H đang công tác tại Điện lực huyện Bảo Lâm và từ đó đến nay ông H không về nhà (kể cả dịp tết nguyên đán); Quá trình mâu thuẫn giữa anh H và chị T không có việc xô xát, tuy nhiên có cãi cọ nhưng chỉ thỉnh thoảng, không thường xuyên. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ tên H người cùng tổ dân phố (Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng). Việc ông H có quan hệ ngoài hôn nhân đã dẫn đến chị T và chị H có chửi nhau, sự việc đã được tổ dân phố hòa giải, tuy nhiên không thành nên đã được Công an phường Sông Bằng lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính với chị T.

Ngày 18/3/2021 Tòa án đã có Công văn số: 125/CV-TA gửi Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng để xin sao lục hồ sơ xử lý hành chính theo đơn yêu cầu của bà Đàm Thị H đề ngày 27/8/2019, đơn đã được Công an phường Sông Bằng thụ lý giải quyết. Qua việc thu thập chứng cứ trong hồ sơ vụ việc cho thấy:

- Tại Báo cáo đề xuất ngày 01/10/2019 của Công an phường Sông Bằng thể hiện nội dung "... Công an phường đã tiếp nhận đơn và tổ chức xác minh vụ việc, gọi hỏi những người liên quan, nội dung vụ việc như sau: Khoảng 7h ngày 18/8/2019, bà Phan Thị T đến nhà riêng của bà Đàm Thị H tại tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng và có hành vi chửi mắng bà H, bà T nói bà H có tình cảm nam nữ bất chính với chồng của bà T là ông Đinh Văn H nhưng bà T không đưa ra được căn cứ, tài liệu chứng minh mối quan hệ bất chính đó..."

- Tại Công văn số: 97/CAP ngày 01/10/2019 của Công an phường Sông Bằng gửi Tổ trưởng dân phố Tổ M, phường S và Các đoàn thể tổ dân phố M, phường S có nội dung "...Ngày 12/9/2019, Công an phường tiếp nhận đơn trình báo của bà Đàm Thị H (sinh năm 1978; HKTT: Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng) về việc: Ngày 18/8/2019 bà H bị bà Phan Thị T (sinh năm 1972; HKTT: Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng) đến nhà riêng chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà H. Công an phường Sông Bằng tổ chức xác minh nội dung đơn của bà Đàm Thị H, gọi hỏi lấy lời khai của bà Phan Thị T xác định bà T có hành vi chửi bới, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà H. Cụ thể, bà T nói bà H có tình cảm nam nữ bất chính với chồng của bà T là ông Đinh Văn H, tuy nhiên bà T không có chứng cứ, tài liệu cụ thể chứng minh mối quan hệ bất chính đó. Bà T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm và cam đoan sẽ không tái phạm.

Ngày 24/9/2019 Công an phường Sông Bằng đã tổ chức thỏa thuận bồi thường dân sự, hòa giải thành công về vụ việc trên giữa bà Đàm Thị H và bà

Phan Thị T. Trong nội dung thỏa thuận, bà H có yêu cầu bà T công khai xin lỗi bà H để lấy lại danh dự cho bà H trước tổ dân phố Tổ M, phường S, bà T đã chấp nhận yêu cầu trên của bà H. Nay Công an phường Sông Bằng đề nghị đồng chí tổ trưởng, các đoàn thể tổ dân phố 01 tổ chức buổi họp mặt để bà T công khai xin lỗi bà H về vụ việc nêu trên, đồng thời phối hợp với Công an phường rắn đe, nhắc nhở những người có liên quan nhằm thống nhất đoàn kết, tránh những mâu thuẫn, đảm bảo an ninh trật tự tại tổ dân phố...”

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trình bày: Tôi là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, tôi trình bày về quan điểm vụ án như sau: Trong quá trình nhận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tôi đã trực tiếp tác động cả hai bên vợ chồng anh H và chị T để khuyên giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, việc tác động khuyên giải không đem lại hiệu quả mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Đơn cử như sau khi tòa án tiến hành hòa giải và có quyết định đưa vụ án ra xét xử chị T còn vào tận trong huyện Bảo Lâm nơi anh H đang công tác để chửi bới anh H, buộc anh H phải hai lần đưa tiền cho chị T thì chị T mới chịu về. Như vậy, tôi thấy rằng về mâu thuẫn của anh H và chị T không thể khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn nên tôi tôn trọng ý kiến định đoạt của anh H đó là yêu cầu cho anh H được ly hôn với chị T. Ngoài ra không có ý kiến gì hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Điều 239, 241, 242, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258).

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc giải quyết vụ án:

+ Về tình cảm: Anh H và chị T kết hôn với nhau vào năm 1989, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Khi tổ chức lễ cưới chưa đăng ký kết hôn; Đến ngày 20/01/2001 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên T, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng; Các bên xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra. Anh H xác định chị T xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của anh làm anh thấy xấu hổ với làng xóm và không thể chung sống với chị T được nữa. Tại Tòa án H xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn; Chị T xác định mặc dù có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn còn tình cảm và chưa đến mức phải ly hôn. Chị T yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Hai bên đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Văn H - sinh năm 1991 (giới tính: nam) và Đinh Thị H – sinh năm 1994 (giới tính: nữ). Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh H và chị T đều xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa mâu thuẫn của hai người đã được làm rõ, do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã diễn ra lâu dài và không thể khắc phục được.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử:

+ Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đinh Văn H được ly hôn chị Phan Thị T;

- Về con chung: Đinh Văn H - sinh năm 1991 (giới tính: nam) và Đinh Thị H - sinh năm 1994 (giới tính: nữ). Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nội dung vụ án là ly hôn, bị đơn chị Phan Thị T có hộ khẩu thường trú tại Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Tại tòa chị T vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đinh Văn H và chị Phan Văn T chung sống với nhau vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Đến năm 2001 anh H và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên T, huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng; Xét tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T là kết hôn tự nguyện, có sự tìm hiểu, có

đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị T nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác có tên là Đàm Thị H có hộ khẩu thường trú tại Tổ M, phường S, tỉnh Cao Bằng. Việc chị T nghi ngờ anh H có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác đã khiến anh H cảm thấy mình bị xúc phạm đến danh dự nhân phẩm và thấy mình xấu hổ trước bà con trong tổ dân phố. Đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích. Vợ chồng đã sống li thân từ tháng 8/2019 cho đến nay nên anh H yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với chị T.

Chị T trong quá trình giải quyết vụ án đều xác định vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc không có mâu thuẫn xảy ra, không có chửi bới đánh đập nhau. Từ năm 2019 ông H tự thay đổi một mục đòi ly hôn. Việc anh H cho rằng chị T nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ bất chính với chị Đàm Thị H dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn là không đúng; Chị T xác nhận có được đến nhà riêng chị H chửi bới to tiếng với chị H nhưng không phải là do ghen tuông, nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với anh H như anh H đã trình bày. Chị T xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mối quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T tại nơi có hộ khẩu thường trú của anh H và chị T; Qua việc xác minh được biết: Anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn vào năm 2019, mâu thuẫn đã được tổ dân phố hòa giải nhưng không thành. Từ khi phát sinh mâu thuẫn anh H vào Bảo Lâm sinh sống là nơi anh H đang công tác tại Điện lực huyện Bảo Lâm và từ đó đến nay ông H không về nhà (kể cả dịp tết nguyên đán); Quá trình mâu thuẫn giữa anh H và chị T không có việc xô xát, tuy nhiên có cãi cọ nhưng chỉ thỉnh thoảng, không thường xuyên. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ tên H người cùng tổ dân phố (Tổ M, phường S, thành phố Cao Bằng). Việc ông H có quan hệ ngoài hôn nhân đã dẫn đến chị T và chị H có chửi nhau, sự việc đã được tổ dân phố hòa giải, tuy nhiên không thành nên đã được Công an phường Sông Bằng lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính với chị T.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Công an phường Sông Bằng về mối quan hệ giữa anh H và chị Đàm Thị H để xác định có hay không mối quan hệ nam nữ bất chính giữa anh H và chị H. Qua các tài liệu thu thập được xác định không có căn cứ cho thấy anh H có quan hệ bất chính với chị H; Điều này được xác định tại các biên bản làm việc, bản tự khai của chị H, chị T đã được Công an phường Sông Bằng tiến hành giải quyết đơn yêu cầu của chị H. Qua nội dung giải quyết đơn yêu cầu của chị H tại Công an phường Sông Bằng thể hiện chị T đã có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị H; Cụ thể, bà T nói bà H có tình cảm nam nữ bất chính với chồng của bà T là ông Đinh Văn H, tuy nhiên bà T không có chứng cứ, tài liệu cụ thể chứng minh mối quan hệ bất chính đó.

Ngày 24/9/2019 Công an phường Sông Bằng đã tổ chức thỏa thuận bồi thường dân sự, hòa giải thành công về vụ việc trên giữa bà Đàm Thị H và bà Phan Thị T. Trong nội dung thỏa thuận, bà H có yêu cầu bà T công khai xin lỗi bà H để lấy lại danh dự cho bà H trước tổ dân phố Tổ M, phường S, bà T đã chấp nhận yêu cầu trên của bà H. Nay Công an phường Sông Bằng đề nghị đồng chí tổ trưởng, các đoàn thể tổ dân phố 01 tổ chức buổi họp mặt để bà T công khai xin lỗi bà H về vụ việc nêu trên, đồng thời phối hợp với Công an phường rắn đe, nhắc nhở những người có liên quan nhằm thống nhất đoàn kết, tránh những mâu thuẫn, đảm bảo an ninh trật tự tại tổ dân phố.

Như vậy, có thể thấy rằng giữa anh H và chị T đã có mâu thuẫn xảy ra, mâu thuẫn đã được tổ dân phố hòa giải nhưng không thành, từ khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019; Mâu thuẫn đã diễn ra lâu dài, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như anh H trình bày là do sự nghi ngờ ghen tuông của chị T đã làm anh H cảm thấy mình bị xúc phạm và không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với chị T. Việc chị T cho rằng anh H có quan hệ nam nữ bất chính nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T không đưa ra được căn cứ chứng minh cho việc đó.

Quan hệ hôn nhân không chỉ là quan hệ mang tính pháp lý mà còn là quan hệ tình cảm giữa người với người.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. *Vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ T hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Tại phiên tòa anh H khẳng định: đến nay hai vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương quan tâm đến nhau nữa. Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị T có 02 con chung tên là Đinh Văn H - sinh năm 1991 (giới tính: nam) và Đinh Thị H – sinh năm 1994 (giới tính: nữ). Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị T xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: chị T xác định nợ chung, nợ riêng không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn H với chị Phan Thị T.

Xử: Anh Đinh Văn H được ly hôn với chị Phan Thị T.

2. Về nuôi con chung: Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: hai đương sự cùng xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

- Về nợ chung, nợ riêng: hai đương sự cùng xác định nợ chung, nợ riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

4. Về án phí: anh Đinh Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000908 ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng

